

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng S, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Trần Hiếu T, sinh năm 1984; địa chỉ: Ô 1/196 AB, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị Hồng S và anh Trần Hiếu T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Cháu Trần Chính Bách Phú, sinh ngày 30-01-2016 chị Trương Thị Hồng S phải có nghĩa vụ giao lại cho anh Trần Hiếu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; chị Trương Thị Hồng S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi cháu Phú đủ 18 tuổi; chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về T sản chung: Chị Trương Thị Hồng S được quyền sở hữu chiếc xe hiệu Honda, loại Vision, màu đen, dung tích 108, số máy: JF58E0860788, số

khung: 5809EY860718, biển số: 70F1-445.59 do chị S đang quản lý; chị Trương Thị Hồng S phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh Trần Hiếu T số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng S phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, 375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia T sản chung và 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng, tổng cộng: 825.000 đồng; nhưng được khấu trừ 737.500 đồng tiền tạm ứng án phí do chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008674 ngày 17-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu; chị Trương Thị Hồng S phải nộp tiếp 87.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Dương sự;
- Lưu: TAGD.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Tùng